

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho Công ty CP Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex Bình Phước thực hiện dự án Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước (Khu A - 121,9 ha)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex Bình Phước thuê đất thực hiện dự án Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước (Khu A - lần 4);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 396/TTr-STNMT ngày 16/8/2023 và Công văn số 2079/STNMT-CCQLĐĐ ngày 18/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho Công ty CP Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex Bình Phước, cụ thể:

1. Mục đích xác định giá đất: Xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho Công ty CP Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex Bình Phước thực hiện dự án Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước (Khu A - 121,9 ha).

2. Thông tin về khu đất cần xác định giá:

2.1. Vị trí khu đất tọa lạc tại phường Minh Thành và Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

2.2. Tổng diện tích khu đất: 1.219.189,6 m².

2.3. Thời điểm định giá: Tháng 5/2023.

2.4. Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp, đất cây xanh, đất giao thông, đất kênh mương, thủy lợi.

3. Kết quả xác định giá đất:

TT	Khu vực, vị trí, phạm vi	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
Đơn giá đất xác định theo đường Hồ Chí Minh (toàn tuyến)				
I	Phường Minh Thành	449.462,2		378.709.815.731
1	Đất Khu công nghiệp (SKK)			
	Phạm vi 4	394.368,0	857.602	338.210.785.536
2	Đất cây xanh cách ly (DCK)			
	Phạm vi 4	3.123,3	735.087	2.295.897.227
3	Đất giao thông (DGT)			
	Phạm vi 4	48.775,9	735.087	35.854.530.003
4	Đất kênh mương, thủy lợi (DTL)			
	Phạm vi 4	3.195,0	735.087	2.348.602.965
II	Phường Thành Tâm	769.727,4		645.062.749.955
1	Đất Khu công nghiệp (SKK)			
	Phạm vi 4	646.828,1	857.602	554.721.072.216
2	Đất cây xanh cách ly (DCK)			
	Phạm vi 4	20.024,9	735.087	14.720.043.666
3	Đất giao thông (DGT)			
	Phạm vi 4	101.379,6	735.087	74.522.826.025
4	Đất kênh mương, thủy lợi (DTL)			
	Phạm vi 4	1.494,8	735.087	1.098.808.048
	Tổng (I+II)	1.219.189,6		1.023.772.565.686
Bằng chữ		Một nghìn không trăm hai mươi ba tỷ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng		

Ghi chú: Đơn giá đất trên tính cho thời hạn sử dụng đất là 70 năm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Phước; Chủ tịch UBND thị xã Chơn Thành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (D.Thắng TNMT QĐ 139).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh